

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Văn

2. Bà Dương Thị Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** ông Đào Văn Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 108/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn S, sinh năm 1977 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt

HKTT: Thôn K, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: Xóm C, tổ dân phố C, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 13/11/1998, quá trình chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, khi phát sinh mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị hạnh bỏ về

nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2008, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Tuấn A sinh ngày 13/6/2001 và Trần Tuấn T sinh ngày 15/10/2022. Hiện nay các con đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh S kết hôn ngày 13/11/1998, trước khi cưới vợ chồng có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2004 chị đi nước ngoài làm ăn thì anh S có ngoại tình với người khác và còn thách thức chị dẫn đến vợ chồng cãi nhau, năm 2017 chị về nước nhưng anh S không thay đổi, vẫn ngoại tình với người khác đến hiện tại vẫn ở chung với nhau và không chung sống cùng chị nữa. Chị và anh S đã ly thân được 07 năm, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh S xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn, do các con chị chưa lấy vợ.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Trần Tuấn A sinh năm 2001 và Trần Tuấn T sinh năm 2002. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương: Ban lãnh đạo tổ dân phố C cung cấp: Năm 2019 chị H có xây nhà và sinh sống tại tổ dân phố C, cả gia đình chị H, anh S và 02 con trai đều về địa phương sinh sống cùng nhau, tuy nhiên anh S không thường xuyên sống cùng vợ con mà thường sống ở nơi khác. Địa phương có nắm được anh S và chị H trong cuộc sống có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn cụ thể là gì thì địa phương không rõ, chỉ thấy trên thực tế chị H và anh S không sống cùng nhau. Vợ chồng có 02 con chung là Trần Tuấn T sinh năm 2002 và Trần Tuấn A sinh năm 2001 cả hai cháu hiện ở với chị H, hiện nay cả hai cháu đều đã trưởng thành, không có vấn đề về thể chất và tinh thần. Nay anh S có đơn ly hôn đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự, Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và giao văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX Áp dụng các Điều 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238 BLTTDS;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho anh Trần Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị H
Án phí: Anh Trần Văn S phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên toà anh S, chị H vắng mặt nhưng anh, chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S, chị H theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/1998 tại UBND xã T, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Anh Trần Văn S cũng đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn (bản chính). Như vậy hôn nhân của anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh S xin ly hôn, chị H không đồng ý ly hôn. Xét thấy chị H không đồng ý ly hôn chỉ vì lý do các con trai chưa lấy vợ là không chính đáng, anh S và chị H đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan hệ với nhau cả về mặt tình cảm và sinh lý, không yêu thương, quan tâm nhau trong cuộc sống hàng ngày, việc chị H không đồng ý ly hôn chỉ nhằm kéo dài cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc trên thực tế. Từ những phân tích đánh giá nêu trên xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S, chị H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Trần Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[2.2] Về con chung: anh S và chị H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Tuấn A sinh năm 2001 và Trần Tuấn T sinh năm 2002. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, ruộng đất chung, công sức: đương sự không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét..

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003439 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Anh S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Tiên Sơn (ĐKKH số 43 ngày 13/11/1998).
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết